

Bản án số: 114/2024/DS-ST.

Ngày: 22.8.2024.

Về tranh chấp: “Đòi lại tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR, THÀNH PHỐ CT

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tuyết Mai.

Ông Nguyễn Văn Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Nhu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2024/TLST- DS, ngày 15 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2024/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168A/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị KO, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Vĩnh TĐ, huyện LM, tỉnh HG.

Địa chỉ liên hệ: C5/28, khu phố 3, thị trấn TT, huyện BC, thành phố HCM.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần VS – Thuộc Đoàn Luật sư thành phố CT.

Bị đơn: Bà Trần TT, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số 168/2, khu vực YH, phường LB, quận CR, thành phố CT. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị KO trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ là chị em ruột nên nguyên đơn có chuyển tiền cho bị đơn bà Trần TT nhiều lần từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023 với tổng số tiền là 276.600.000 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng) thông qua hình thức chuyển khoản nhiều lần cụ thể:

Ngày 02/10/2022 chuyển 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
Ngày 29/10/2022 chuyển 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
Ngày 30/10/2022 chuyển 17.600.000 đồng (Mười bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng).
Ngày 07/11/2022 chuyển 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
Ngày 12/12/2022 chuyển 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
Ngày 17/01/2023 chuyển 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).
Ngày 07/02/2023 chuyển 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).
Ngày 16/02/2023 chuyển 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).
Ngày 25/3/2023 chuyển 26.800.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng).
Ngày 04/4/2023 chuyển 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).
Ngày 13/4/2023 chuyển 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).
Ngày 26/4/2023 chuyển 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn đã giao cho bị đơn đủ số tiền 267.600.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng). Vì là chị em ruột nên nguyên đơn mới hỏi vay dùm cho bị đơn nên không có thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận thời hạn trả tiền là 01 tháng sau nhưng bị đơn không trả đúng hạn, mặc dù bị đơn đã nhiều lần liên lạc nhưng không được, nguyên đơn đến nhà thì bị đơn né tránh nên nguyên đơn không gặp được bị đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền gốc là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), không tính lãi. Ngoài ra, do điều kiện ở xa nên nguyên đơn xin được vắng mặt trong tất cả các phiên họp và phiên tòa các cấp.

* Bị đơn bà Trần TT đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án tiến hành lập biên bản công khai chứng vụ án và đưa vụ án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và không có văn bản nào thay đổi ý kiến nên xem như nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Trần Thị Thúy đã được triệu tập họp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần VS trình bày:

Do mối quan hệ là chị em ruột nên nguyên đơn có cho bị đơn mượn tổng số tiền là 267.600.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng) thông qua hình thức chuyển khoản nhiều lần, cụ thể:

Ngày 02/10/2022 chuyển 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
Ngày 29/10/2022 chuyển 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
Ngày 30/10/2022 chuyển 17.600.000 đồng (Mười bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Ngày 07/11/2022 chuyển 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
Ngày 12/12/2022 chuyển 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
Ngày 17/01/2023 chuyển 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).
Ngày 07/02/2023 chuyển 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).
Ngày 16/02/2023 chuyển 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).
Ngày 25/3/2023 chuyển 26.800.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng).

Ngày 04/4/2023 chuyển 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).
Ngày 13/4/2023 chuyển 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).
Ngày 26/4/2023 chuyển 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng).
Sau đó, bị đơn có chuyển trả cho nguyên đơn bằng hình thức chuyển khoản vào các ngày cụ thể như sau:

Ngày 08/10/2022 trả 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng).
Ngày 27/12/2022 trả 2.100.000 đồng (Hai triệu, một trăm nghìn đồng).
Ngày 29/01/2023 trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).
Ngày 19/02/2023 trả 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).
Ngày 21/4/2023 trả 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).
Ngày 26/4/2023 trả 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Tổng số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn 57.600.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng) nên bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

Nay nguyên đơn căn cứ vào các chứng từ đã chuyển khoản cho bị đơn để khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tổng cộng 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả đến khi bị đơn trả hết số nợ của nguyên đơn.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng:*

Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt và bị đơn cũng không gửi bất kỳ văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án đã tiến hành việc công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn yêu cầu luật sư bảo vệ nên luật sư đã thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là đúng trình tự, thủ tục luật định.

Bị đơn bà Trần Thị Thúy đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn tiếp tục vắng mặt là cố tình nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét về quan hệ pháp luật:* Căn cứ theo đơn khởi kiện và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét thì đây là quan hệ pháp luật về “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”, do bị đơn có nơi cư trú tại quận CR, thành phố CT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Do mối quan hệ chị em ruột nên nguyên đơn có cho bị đơn mượn tổng số tiền là 267.600.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng) thông qua hình thức chuyển khoản. Sau đó, bị đơn cũng có chuyển khoản trả nợ cho nguyên đơn nhiều lần với số tiền là 57.600.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng) thì không còn trả bất kỳ khoản tiền nào nữa. Mặc dù, nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi chậm trả. Tuy nhiên, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy nguyên đơn có thực hiện việc chuyển khoản cho bị đơn và bị đơn cũng có chuyển khoản trả nợ cho nguyên đơn. Điều đó chứng minh rằng, giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch qua lại với nhau và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Do bị đơn đã được triệu tập họp lệ mà vẫn vắng mặt và cũng không cung cấp bất kỳ văn bản ý kiến để được xem xét nên căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số nợ gốc tính đến ngày 22/8/2024 là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

[4] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về tiền lãi chậm trả được tính tiếp từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả đến khi bị đơn trả hết 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Thời hạn và phương thức thanh toán sẽ do Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT điều chỉnh.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5%, cụ thể: 210.000.000 đồng x 5% = 10.500.000 đồng. Bị đơn phải nộp số tiền là 10.500.000 đồng (Mười triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT.

Nguyên đơn được nhận lại 5.250.000 đồng (Năm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003412 ngày 09/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT.

[7] Về lệ phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng do người yêu cầu chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên nguyên đơn phải chịu chi phí đăng tin với tổng số tiền là 2.952.000 đồng (Hai triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn đồng). Nguyên đơn bà Trần Thị KO đã thực hiện xong nên không ai phải nộp thêm.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 266, 269, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 166, 280, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị KO.*

2. *Về nợ:* Bị đơn bà Trần TT có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị KO tổng số nợ gốc là **210.000.000 đồng** (Hai trăm mười triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về tiền lãi chậm trả được tính tiếp từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả đến khi bị đơn trả hết 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Thời hạn và phương thức thanh toán sẽ do Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT điều chỉnh.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trần TT phải nộp số tiền là 10.500.000 đồng (Mười triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT.

Nguyên đơn bà Trần Thị KO được nhận lại số tiền là 5.250.000 đồng (Năm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003412 ngày 09/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT.

6. Về lệ phí đăng tin: Nguyên đơn bà Trần Thị KO phải chịu số tiền là 2.952.000 đồng (Hai triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn đồng). Nguyên đơn bà Trần Thị KO đã thực hiện xong.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án đã được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND. TP. CT.
- VKSND.Q.CR.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

Huỳnh Thị Kim Xuân